

# MỘT SỐ LỖI GIAO THOA NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN TRUNG QUỐC HỌC TIẾNG VIỆT (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI KHOA VIỆT NAM HỌC, ĐẠI HỌC HÀ NỘI)

LƯU HUYỀN TRANG (\*)

**Tóm tắt:** *Giao thoa ngôn ngữ là một trong nhiều nguyên nhân gây ra các lỗi mà người học ngoại ngữ thường mắc phải trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ mới. Lỗi giao thoa ngôn ngữ bắt nguồn từ sự khác biệt giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Bài viết trình bày một số lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt tại khoa Việt Nam học, Đại học Hà Nội và đưa ra một số dạng bài tập nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên.*

**Từ khóa:** *Lỗi giao thoa; sinh viên Trung Quốc; tiếng Việt.*

**Abstract:** *Language interference is one of the many causes of errors that foreign language learners often make during studying. Language interference error results from the differences between source language and target language. This article presented a number of language interference errors that Chinese students at the Faculty of Vietnamese Studies, Hanoi University frequently made while learning vocabulary. Recommendations on some types of exercises to resolve such drawbacks were discussed.*

**Keywords:** *Interference error, Chinese student, Vietnamese language.*

Ngày nhận bài: 15/12/2020; Ngày sửa bài: 10/01/2021; Ngày duyệt đăng bài: 30/01/2021.

## Đặt vấn đề

*Giao thoa* là một khái niệm thường được dùng trong một số ngành khoa học tự nhiên, nổi bật nhất là ngành vật lý. Trong vật lý, *giao thoa* chỉ sự chồng chập của hai hay nhiều sóng mà tạo ra một hình ảnh sóng mới. Còn trong ngôn ngữ học, Bùi Mạnh Hùng (2008)<sup>(1)</sup> cho rằng, *giao thoa* được E. D. Polivanov nghiên cứu từ rất sớm và công bố vào năm 1931, sau đó được trường phái Praha tiếp tục. *Giao thoa* cũng được các nhà ngôn ngữ học Mĩ như W. Weinrich và E. Haugen (1953) chú ý phân tích, gắn chặt với việc ứng dụng nghiên cứu đối chiếu vào quá trình dạy tiếng (Fisiak 1983). Phan Ngọc (1983) coi *giao thoa* là “một sự đi chệch khỏi tiêu

chuẩn ngôn ngữ” do ảnh hưởng của ngôn ngữ A đối với ngôn ngữ B, có thể là ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ với ngôn ngữ thứ hai, cũng có thể là ngôn ngữ thứ hai với tiếng mẹ đẻ. Lado khi nghiên cứu so sánh đối chiếu giữa các ngôn ngữ cũng nhận xét: *Các cá thể có xu hướng chuyển các dạng thức, ý nghĩa và sự phân bố các dạng thức và ý nghĩa của ngôn ngữ và văn hóa bản ngữ sang ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài...*<sup>(2)</sup>

Nói một cách đơn giản, lỗi giao thoa

(\*) ThS., Đại học Hà Nội, Email: tranglh@hanu.edu.vn

(1) Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb. Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 51.

(2) Lado, R. (1957), *Linguistics across cultures*, University of Michigan Press, tr. 2.

ngôn ngữ là một loại lỗi được tạo ra do người học áp đặt thói quen ngôn ngữ hay các cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ này lên một ngôn ngữ khác.

Có thể nhận thấy, lỗi giao thoa ngôn ngữ là biểu hiện của chuyển di ngôn ngữ trong quá trình thụ đắc một hay nhiều ngôn ngữ khác nhau của người học. Odlin cho rằng, *chuyển di* là “sự ảnh hưởng xuất phát từ sự giống nhau và khác nhau giữa ngôn ngữ đích và bất kỳ ngôn ngữ nào khác đã được đắc thụ (có thể chưa hoàn hảo) trước đó”.

Các nhà nghiên cứu về giáo học pháp chia *chuyển di* thành hai loại: *chuyển di tích cực* và *chuyển di tiêu cực*. *Chuyển di tích cực* là những chuyển di mang tính hỗ trợ trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ đích. Ngược lại, *chuyển di tiêu cực* dùng để chỉ những chuyển di gây ra khó khăn cho người học.

Theo các nhà ngôn ngữ học tâm lý, *chuyển di* có *chuyển di liên ngôn* và *chuyển di nội ngôn*. *Chuyển di nội ngôn* gây ra các lỗi tự ngữ đích và các lỗi suy diễn. *Chuyển di liên ngôn* gây ra các lỗi giao thoa ngôn ngữ và lỗi giao thoa văn hóa<sup>(3)</sup>.

Đối với sinh viên Trung Quốc nói riêng, giao thoa ngôn ngữ là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến việc mắc lỗi khi nói và viết tiếng Việt. Đây cũng là một khó khăn dễ nhận thấy trong quá trình học tiếng Việt của các sinh viên này. Việc phát hiện, phân tích và nghiên cứu lỗi giao thoa của sinh viên giúp người dạy tìm ra được phương thức dạy học hiệu quả nhằm hạn chế những chuyển di ngôn ngữ tiêu cực và góp phần giúp sinh viên tránh được những lỗi cơ bản trong quá trình tiếp thu tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Liên quan đến lỗi giao thoa ngôn ngữ

của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt có thể kể đến ba lỗi cơ bản: *lỗi ngữ âm*, *lỗi ngữ pháp* và *lỗi từ vựng*. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chọn lựa trình bày một số lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học, Đại học Hà Nội và đưa ra một số dạng bài tập nhằm khắc phục những lỗi giao thoa này.

### 1. Lỗi và những vấn đề liên quan đến lỗi

Nhà nghiên cứu nổi bật nhất, không thể không nhắc đến mỗi khi nói về vấn đề lỗi, đó là Pit Corder. Các công trình nghiên cứu của ông chính là tiền đề cho các nghiên cứu lỗi sau này. Theo ông, *lỗi* cung cấp cho các nhà nghiên cứu những bằng chứng về quá trình thụ đắc ngôn ngữ, cung cấp cho người học những chiến lược học ngoại ngữ để khám phá ngôn ngữ đích<sup>(4)</sup>.

Trong cuốn Từ điển ngôn ngữ học của Nguyễn Thiện Giáp (2005), *lỗi* được định nghĩa chung như sau: “*Lỗi của người học (trong khi nói hoặc viết một ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ) là hiện tượng sử dụng một đơn vị ngôn ngữ (chẳng hạn một từ, một đơn vị ngữ pháp, một hoạt động nói năng) bằng cách mà người bản ngữ hoặc người giỏi thứ tiếng đó cho là sai hoặc cho là chưa đầy đủ*”<sup>(5)</sup>.

<sup>(3)</sup> Phan Đăng Bình (2002), *Khảo sát các lỗi giao thoa ngôn ngữ - văn hóa trong diễn ngôn của người Việt học tiếng Anh*, Luận án Tiến sĩ, Viện ngôn ngữ học, Hà Nội, tr. 32.

<sup>(4)</sup> Lê Mai Trang (2018), *Nghiên cứu lỗi thành tố phụ trước trung tâm danh ngữ tiếng Việt: Trường hợp học sinh nói tiếng Pháp bản ngữ học tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội, tr. 21.

<sup>(5)</sup> Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên, 2005), *Từ điển Ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 7.

Phạm Đăng Bình trong nghiên cứu về “Lỗi và một số quan niệm khác nhau về cách phân loại và xử lý lỗi trong quá trình dạy và học tiếng Anh” cũng có quan điểm về lỗi như sau:

- Lỗi (error) là sự lệch chuẩn so với ngữ pháp của người bản ngữ hoặc sự vi phạm các quy tắc sử dụng ngôn ngữ và các quy ước về văn hóa. Người học không những không nhận ra lỗi của mình mà còn không thể tự sửa được chúng khi được lưu ý, tự sửa có thể lại mắc thêm lỗi sai khác.

- Người bản ngữ nhìn nhận và đánh giá năng lực giao tiếp của người học qua các lỗi mà họ mắc phải.

- Nguyên nhân gây ra các hiện tượng mơ hồ về nghĩa, trống nghĩa là do lỗi. Ngoài ra, lỗi còn có thể gây ra sự hiểu lầm hoặc ngưng trệ giao tiếp. Lỗi trong giao tiếp liên ngôn nhiều khi trở thành một trong những nguyên nhân dẫn đến xung đột hoặc sốc văn hóa.

Khi nói về khái niệm lỗi có nhà nghiên cứu cho rằng: *Lỗi của người nước ngoài học ngoại ngữ là những gì mà người ấy làm sai lạc ý nghĩa so với chuẩn của nó. Lỗi ngoại ngữ là sự vi phạm các quy tắc của hệ thống ký mã ngoại ngữ. Do vậy, thông tin không được hiểu và truyền đạt chính xác. Lỗi như là một sản phẩm của mối quan hệ tương phản trong việc truyền đạt thông tin cho thấy nguyên nhân của sự biến dạng nó.*

## 2. Phân tích một số lỗi giao thoa phổ biến khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc

Trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho khoảng 300 sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học - Đại

học Hà Nội từ năm 2011 đến nay, chúng tôi xin được đưa ra một số lỗi giao thoa khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt như sau:

### 2.1. Lỗi giao thoa do dùng sai nghĩa của từ

- Lỗi giao thoa trong việc sử dụng từ đa nghĩa

Hiện tượng đa nghĩa của từ là hiện tượng phổ biến ở bất kì một ngôn ngữ nào. Sinh viên, khi chưa đủ khả năng phân biệt các nghĩa đó, cộng thêm ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ thường dễ gây ra lỗi trong việc sử dụng những từ này.

Trợ từ “*le*” trong tiếng Trung có nhiều nghĩa; trong đó, với nghĩa dùng để chỉ một hành động đã xảy ra thì “*le*” tương đương với “*rồi*” của tiếng Việt. Ví dụ: Anh ấy ăn *rồi*. (他吃了.); Tôi uống *rồi*. (我喝了.); Cô ấy mua *rồi*. (她买了.);... Với tư cách là trợ từ ngữ khí biểu đạt sự thay đổi, biến đổi của đối tượng/ trạng thái thì “*le*” cũng có thể diễn đạt như “*rồi*” của tiếng Việt. Ví dụ: Cô ấy là sinh viên *rồi*. (她是大学生了.); Trời lạnh *rồi*. (天冷了.); Tớ đói *rồi*. (我饿了.);... Khi trợ từ ngữ khí “*le*” đặt ở cuối câu mang ý nghĩa nhấn mạnh thì “*le*” cũng được hiểu như “*rồi*”. Ví dụ: Tốt quá *rồi*! (太好了!); Chết *rồi*! (糟糕了!) Tuyệt quá *rồi* (太棒了! ),

Chính vì “*le*” của tiếng Trung và “*rồi*” của tiếng Việt có nhiều nét tương đồng về mặt ý nghĩa và ngữ pháp như vậy nên sinh viên Trung Quốc khi nói và viết tiếng Việt thường mắc lỗi liên quan đến hai từ trên.

Ví dụ:

(1) Nó ngủ *rồi*, anh đừng gọi nó **rồi**.

=> Nó ngủ *rồi*, anh đừng gọi nó **nữa**.

(他睡了。你别叫他了。)

(2) Ban đầu bố mẹ phản đối cô đi du học nhưng sau đó, bố mẹ cũng đồng ý **rôi**. Cô rất vui.

=> Ban đầu bố mẹ phản đối cô đi du học nhưng sau đó bố mẹ cô cũng **đã** đồng ý. Cô rất vui.

(她父母原来反对他出国留学, 但是以后他们已经同意了。)

Từ những ví dụ nêu trên, chúng ta có thể thấy sinh viên Trung Quốc có xu hướng dùng “rôi” để biểu đạt những dạng thức của “le” trong tiếng Trung mà không chú ý đến sự khác nhau về ý nghĩa của hai từ này trong những ngữ cảnh cụ thể.

Một ví dụ khác, từ “women” 我们 trong tiếng Trung có hai nghĩa: (1) dùng để chỉ cả người nói và người nghe, tương đương với “chúng ta” trong tiếng Việt; (2) chỉ người nói (số nhiều) và không bao gồm người nghe, tương đương với “chúng tôi” của tiếng Việt. Do không tách biệt được hai nghĩa này mà sinh viên Trung Quốc thường nói và viết thành các câu sai như sau:

(3) Cô ơi, cô cho **chúng ta** địa chỉ của cô nhé!

=> Cô ơi, cô cho **chúng em** địa chỉ của cô nhé!

(老师, 请给我们您的地址!)

(4) Sáng mai anh đón em ở ký túc xá nhé! **Chúng tôi** sẽ đi xe buýt.

=> Sáng mai anh đón em ở ký túc xá nhé! **Chúng ta** sẽ đi bằng xe buýt.

(明天早上, 我去宿舍接你! 我们将乘公共汽车去。)

- Lỗi giao thoa trong việc dùng từ có âm Hán Việt

Sinh viên Trung Quốc khi học tiếng Việt có một lợi thế rất lớn so với sinh viên các nước khác, đó là số lượng từ có âm

Hán Việt được dùng đến ngày nay trong tiếng Việt vô cùng phong phú. Ở một số từ Hán Việt, sinh viên có thể đoán ngay được nghĩa đúng của từ do trùng khít nghĩa với từ trong tiếng Trung, ví dụ: *lợi nhuận* - *lirun*, *thành công* - *chenggong*, *thư phòng* - *shufang*, *thảo mộc* - *caomu*, *hộ chiếu* - *huzhao*, *cải cách* - *gaige*,... Tuy nhiên, tiếng Việt cũng tồn tại không ít những từ có âm Hán Việt nhưng nghĩa hoàn toàn khác với nghĩa của từ đó trong tiếng Trung. Ví dụ:

(5) Xe máy là một **công cụ** giao thông phổ biến ở Việt Nam.

=> Xe máy là một **phương tiện** giao thông phổ biến ở Việt Nam.

(6) Chúng tôi rất **trọng thị** giáo dục.

=> Chúng tôi rất **coi trọng** giáo dục.

(7) Tai nạn đã **phát sinh** rồi.

=> Tai nạn đã **xảy ra** rồi.

Các lỗi dùng từ sai trong các ví dụ (5), (6), (7) là do tiếng Trung có các từ “gongju” - âm Hán Việt “công cụ”, “zhongshi” - âm Hán Việt “trọng thị” và “fasheng” - âm Hán Việt “phát sinh”. Các từ này tuy là từ Hán Việt nhưng ý nghĩa đã thay đổi hoàn toàn so với từ đồng âm trong tiếng Trung hiện đại. Do chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ mà sinh viên Trung Quốc có xu hướng dùng âm Hán Việt khi diễn đạt từ và câu trong tiếng Việt, dẫn đến các lỗi nêu trên.

Ngoài ra, từ có âm Hán Việt cũng đã được chuyển hóa trong quá trình sử dụng ngôn ngữ hàng trăm năm của người Việt tạo ra những từ mới nhưng vẫn mang ý nghĩa cũ. Ví dụ:

(8) Cô ấy đã đi **lưu học** 6 tháng rồi => Cô ấy đã đi **du học** 6 tháng rồi.

(9) Hôm nay cậu ấy nghỉ học để đến

**đại sứ quán** làm thị thực => Hôm nay cậu ấy nghỉ học để đến **đại sứ quán** làm thị thực.

Mối quan hệ qua lại giữa tiếng Việt và tiếng Trung hiện đại thể hiện sự giao thoa giữa hai ngôn ngữ. Người học bị chi phối bởi sự giao thoa và mối quan hệ vay mượn, tương tác này mà tạo nên các lỗi dùng từ sai như trên.

## 2.2. Lỗi giao thoa về bình diện ngữ pháp của từ

- Lỗi thừa từ

Chúng tôi đã thu thập được một số lỗi thừa từ như sau:

(10) Cái áo này đẹp đấy. Chị **thử thử** đi. (这件衬衫真漂亮。你**试试**。)

=> Cái áo này đẹp đấy. Chị **thử** đi.

(11) Con **nghỉ ngơi nghỉ ngơi** đi! (你**休息休息**吧。)

=> Con nghỉ ngơi một chút đi!

(12) Cô ấy trang điểm cho tôi **xinh xinh đẹp đẹp**. (他给我打扮得**漂漂亮亮**。)

=> Cô ấy trang điểm cho tôi **rất xinh**.

Ở ví dụ (10), (11), sinh viên mắc lỗi khi lặp lại động từ “thử”, “nghỉ ngơi”. Đó là do trong tiếng Trung tồn tại cấu trúc động từ trùng lặp theo dạng AA (“**试试**” như trong ví dụ (10)) hoặc ABAB (“**休息休息**” như trong ví dụ (11)); mang ý nghĩa biểu đạt hành động lặp lại ít, thời gian ngắn, qua loa, ngữ điệu ôn hòa. Tuy nhiên, tiếng Việt lại không tồn tại dạng thức này.

Ví dụ (12) cũng tương tự như các ví dụ kể trên. Hình thức lặp lại tính từ theo dạng AABB của tiếng Trung (“**漂漂亮亮**” như trong ví dụ (12)) dùng để nhấn mạnh mức độ cao của tính chất được nêu trong tính từ đó. Tiếng Việt dùng từ chỉ mức độ “rất”, “vô cùng” để thay thế cách diễn đạt này.

Sinh viên Trung Quốc đã áp đặt thói quen và tư duy sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ khi nói và viết tiếng Việt dẫn đến những lỗi thừa từ nêu trên.

- Lỗi dùng sai vị trí của từ

Lỗi dùng sai vị trí của từ có thể kể đến ba tiểu loại lỗi: (1) lỗi dùng sai vị trí của từ trong cụm danh từ; (2) lỗi dùng sai vị trí của từ trong cụm động từ; (3) lỗi dùng sai vị trí của từ trong cụm tính từ. Theo khảo sát của tác giả Nguyễn Thị Thủy (2020) thì lỗi dùng sai vị trí của từ trong cụm danh từ chiếm tỉ lệ cao nhất trong ba tiểu loại lỗi kể trên<sup>(6)</sup>. Chúng tôi xin đưa ra một số ví dụ điển hình như sau:

(13) Tôi không thích ăn **Trung Quốc món ăn** vì rất cay.

=> Tôi không thích ăn **món ăn Trung Quốc** vì rất cay.

(14) **Tăng trưởng tốc độ** kinh tế của Hà Nội giảm sút trong năm 2020.

=> **Tốc độ tăng trưởng** kinh tế của Hà Nội giảm sút trong năm 2020.

(15) Chúng ta cần tìm ra **hữu hiệu dạy học phương pháp**.

=> Chúng ta cần tìm ra **phương pháp dạy học hiệu quả**.

Vị trí của từ trong tiếng Hán có nhiều điểm khác biệt so với tiếng Việt. Trong cấu trúc danh ngữ của tiếng Hán, tính từ thường đứng trước danh từ để bổ nghĩa cho danh từ.

Theo tác giả Lê Thị Nguyệt Minh (2012), sở dĩ lỗi do sai vị trí của cụm danh từ chiếm tỉ lệ cao như vậy có thể là do sinh viên ảnh hưởng từ cấu trúc danh ngữ của

<sup>(6)</sup> Nguyễn Thị Thủy (2020), *Khảo sát lỗi dùng từ của sinh viên Trung Quốc hệ 2+2 tại Khoa Việt Nam học - Đại học Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, tr. 51.

tiếng Hán do yếu tố giao thoa ngôn ngữ.  
Cụ thể:

- Trật tự định ngữ và trung tâm ngữ của tiếng Hán bị đảo lộn so với tiếng Việt.

- Trật tự giữa các yếu tố định ngữ bị đảo lộn do sinh viên không phân loại được các định ngữ theo tiêu chí nghĩa.

- Đối với danh ngữ, sinh viên không tìm được các kết từ tiếng Việt tương đương với tiếng Hán về ý nghĩa.

- Sinh viên cũng đặt một số tính từ sai vị trí do chưa phân biệt được tính từ nào bổ nghĩa cho trung tâm ngữ hay tính từ nào bổ ngữ cho thành tố đơn vị chỉ lượng<sup>(7)</sup>.

### 3. Một vài gợi ý về dạng bài tập, bài luyện để hạn chế lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt

Trong quá trình nghiên cứu lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học - Đại học Hà Nội, chúng tôi xin đưa ra một số gợi ý về một số dạng bài tập, bài luyện để khắc phục lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt như sau:

- *Dạng bài khắc phục lỗi giao thoa do dùng từ sai nghĩa*

#### **Bài tập 1. Hãy chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống**

1. Tuần sau, anh ấy ..... về nước. (thì/ sẽ)
2. Nếu ngày mai mưa ..... anh ấy sẽ nghỉ học. (thì/ sẽ)
3. Cảm ơn anh. .... vẫn khỏe. (chúng tôi/ chúng ta)
4. Hôm nay, Chủ tịch nước Nguyễn Tấn Dũng và ..... đã có chuyến thăm chính thức Bắc Kinh. (vợ/ phu nhân)
5. Chồng chị ấy là ..... . (công trình sư/ kiến trúc sư)

#### **Bài tập 2. Hãy chọn đáp án A, B, C cho những câu dưới đây**

1. Nếu cậu cảm thấy không khỏe, ..... gọi điện cho mình nhé!  
A. đừng                      B. cấm                      C. cần                      D. nhớ
2. .... ba tháng, cô ấy đã đi du lịch Thái Lan bằng tàu hỏa.  
A. trước                      B. sau                      C. trước đây                      D. cách đây
3. Tôi chưa biết mình bị bệnh gì nên hôm nay tôi sẽ đi bệnh viện để .... bệnh.  
A. sửa                      B. khám                      C. chữa                      D. xem
4. Thành phố này đang ..... đẹp hơn và hiện đại hơn.  
A. nên                      B. trở nên                      C. thành                      D. trở thành
5. Tôi nghĩ cô nên vào viện để làm các (10) ..... cần thiết.  
A. xét nghiệm                      B. thí nghiệm                      C. thử nghiệm                      D. phân tích

#### **Bài tập 3. Hãy tìm từ trái nghĩa với những từ gạch chân trong những câu dưới đây**

1. Theo các nghiên cứu khoa học, dâu tây là một thứ quả đặc biệt có **lợi** cho sức khỏe con người.

<sup>(7)</sup> Lê Thị Nguyệt Minh (2012), *Khảo sát lỗi sử dụng từ ngữ của học viên Trung Quốc học tiếng Việt*, Luận văn thạc sĩ Ngôn ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội, tr.39.

- A. độc                                      B. tiêu cực                                      C. hại                                      D. xấu
2. Tập thể dục đều đặn mỗi ngày giúp **giảm** tác hại của thuốc lá đối với cơ thể.
- A. tăng                                      B. lên                                      C. cao                                      D. tăng trưởng

3. Trong cung điện, phòng nào cũng được trang trí **cầu kỳ** theo lối kiến trúc Pháp rất đẹp mắt.

- A. thô sơ                                      B. đơn giản                                      C. nhẹ                                      D. ít

4. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù khó khăn, anh ấy luôn là người **lạc quan** và bình tĩnh nhất.

- A. vui vẻ                                      B. dễ tính                                      C. hào phóng                                      D. bi quan

5. Phương tiện **phổ biến** ở Việt Nam là xe máy.

- A. vắng                                      B. hiếm                                      C. đông                                      D. phong phú

- *Dạng bài tập khắc phục lỗi về bình diện ngữ pháp của từ*

**Bài tập 1. Hãy sắp xếp những từ sau thành câu hoàn chỉnh**

1. lúc/ nghe nhạc/ thích/ rảnh rỗi/ chị/ đọc sách/ hay?

.....

2. nổi tiếng/ biết/ cũng/ vì/ là/ anh ấy/ ai/ người/ anh ấy/ rất/ nên.

.....

3. đã/ tiếng Việt/ rồi/ học/ trước khi/ Việt Nam/ anh ấy/ đến.

.....

4. Chúng tôi/ đau đầu/ đang/ nan giải/ này/ vấn đề/ vì.

.....

5. tăng cường/ hiệu quả/ ngoại ngữ/ học/ giao tiếp/ phương pháp/ là/ người bản địa/ với.

.....

**Bài tập 2. Hãy chọn A, B, C hoặc D cho vị trí dấu ( ) trong những câu dưới đây**

1. Mặc dù đã ở Nga 1 năm nhưng (.....)(.....)(.....)(.....).

- A. tôi                                      B. tiếng Nga                                      C. thì                                      D. không biết chữ nào

2. Các bạn (.....)(.....)(.....)(.....) đúng.

- A. công nhận                                      B. rằng                                      C. đề                                      D. ý kiến của lớp trưởng

3. (.....)(.....)(.....) không gặp nhau.

- A. không                                      B. chúng tôi                                      C. thứ bảy                                      D. nào

4. Anh ấy (.....) (.....) (.....) (.....).

- A. Trường Đại học Hà Nội                                      B. ở                                      C. tiếng Việt                                      D. học

5. (.....)(.....)(.....) là chị ấy tặng tôi.

- A. to                                      B. và đẹp                                      C. bó hoa                                      D. này

**Bài tập 3. Hãy tìm lỗi sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng.**

1. Cô ấy vui vui về về đi siêu thị.
2. Mời cô nghe nghe bài hát này.
3. Anh ấy là lạc quan thanh niên.

4. Ngày mai, chúng tôi sẽ mua này quý giá bức tranh.
5. Cô ấy rất thích ở nhà hàng này ăn cơm.

### Kết luận

Trong quá trình thụ đắc tiếng Việt như một ngoại ngữ, sinh viên Trung Quốc tạo ra các sản phẩm ngôn ngữ tiêm cận gần với ngôn ngữ đích là tiếng Việt. Các sản phẩm ngôn ngữ tiêm cận này của người học bao gồm phần không nhỏ các loại lỗi lệch chuẩn tiếng Việt. Các loại lỗi này gây cản trở quá trình lĩnh hội kiến thức tiếng Việt nhưng đồng thời cũng phản ảnh những cố gắng trong chiến lược học tập cũng như hiệu quả của chương trình giảng dạy.

Từ những nghiên cứu về lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt tại Khoa Việt Nam học – Đại học Hà Nội, chúng tôi cũng đưa ra một số dạng bài luyện nhằm hạn chế những lỗi sai nêu trên, góp phần cải thiện trình độ tiếng Việt của sinh viên.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi hy vọng đóng góp một tiếng nói nhỏ vào kho tàng nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói chung và cho sinh viên Trung Quốc nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Lan Anh (2016), "Vấn đề giao thoa trong dịch thuật Pháp - Việt", Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Nước ngoài*, Tập 32, Số 3 (2016) 77-83.

2. Phan Đăng Bình (2002), *Khảo sát các lỗi giao thoa ngôn ngữ - văn hóa trong diễn*

*ngôn của người Việt học tiếng Anh*, Luận án Tiến sĩ, Viện ngôn ngữ học, Hà Nội.

3. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên, 2005), *Từ điển Ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

4. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh.

5. Lado, R. (1957), *Linguistics across cultures*, University of Michigan Press.

6. PGS. Hồ Lê, TS. Trần Thị Ngọc Lang - Tô Đình Nghĩa, *Lỗi từ vựng và cách khắc phục*, Nxb. Khoa học xã hội.

7. Bùi Thu Loan (2015), *Khảo sát lỗi sử dụng từ Hán Việt của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

8. Lê Thị Nguyệt Minh (2012), *Khảo sát lỗi sử dụng từ ngữ của học viên Trung Quốc học tiếng Việt*, Luận văn thạc sĩ Ngôn ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội.

9. Nguyễn Thị Thủy (2020), *Khảo sát lỗi dùng từ của sinh viên Trung Quốc hệ 2+2 tại Khoa Việt Nam học - Đại học Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

10. Lê Mai Trang (2018), *Nghiên cứu lỗi thành tố phụ trước trung tâm danh ngữ tiếng Việt: Trường hợp học sinh nói tiếng Pháp bản ngữ học tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội.